

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

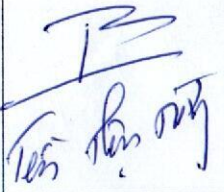
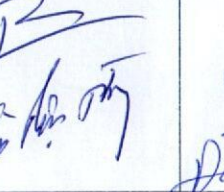
Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 04**

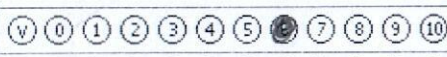
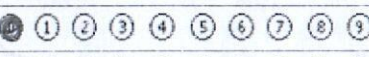
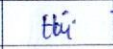
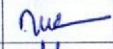
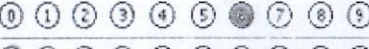
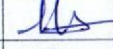
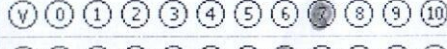
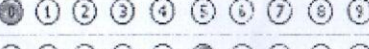
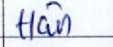
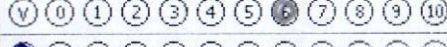
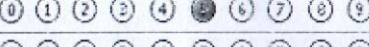
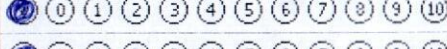
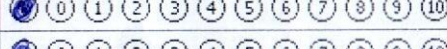
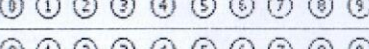
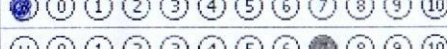
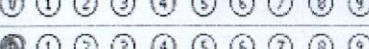
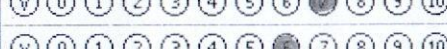
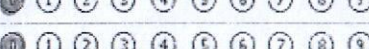
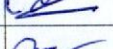
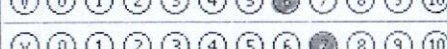
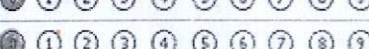
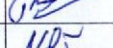
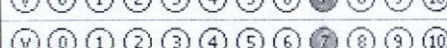
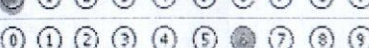
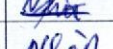
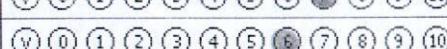
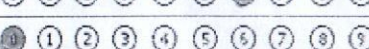
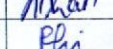
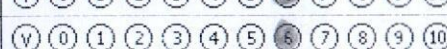
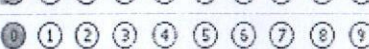
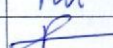
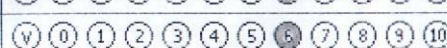
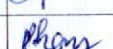
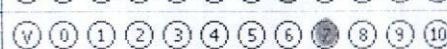
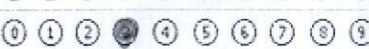
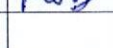
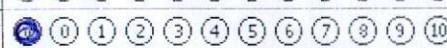
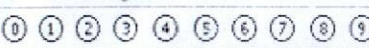
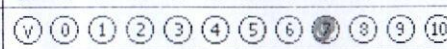
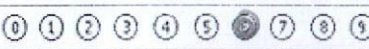
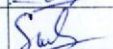
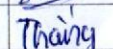
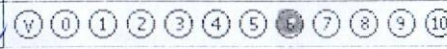
CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050106	TRẦN GIA BẢO	17/09/2001	CCQ1905D				6,0	6,0	6,0		
2	2119050109	LÊ KHẮC HẢI	07/04/2001	CCQ1905D				7,5	7,0	7,2		
3	2119050110	NGUYỄN THANH HẢI	16/05/2000	CCQ1905D				6,0	7,0	6,6		
4	2119050111	TRẦN VĂN HẢI	02/08/2001	CCQ1905D				7,0	7,0	7,0		
5	2119050113	NGUYỄN HỒ NGỌC HÂN	26/10/2001	CCQ1905D				6,5	6,5	6,5		
6	2118050156	NGUYỄN MINH HIẾU	15/01/1997	CCQ1805C								
7	2118050157	TRẦN VŨ MINH HIẾU	07/11/1999	CCQ1805C								
8	2119050116	PHÙNG KHẮC KHÔI	10/02/2001	CCQ1905D								
9	2119050141	HUỲNH VĂN KIẾT	29/06/2001	CCQ1905D				7,0	7,0	7,0		
10	2118050027	TRƯƠNG NGỌC LỄ	21/07/2000	CCQ1805A				6,0	6,0	6,0		
11	2119050119	TRẦN PHƯƠNG NAM	25/08/1998	CCQ1905D				7,0	7,0	7,0		
12	2119050121	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	31/05/2001	CCQ1905D				7,0	8,0	7,6		
13	2119050122	PHAN THANH NHÂN	10/08/2000	CCQ1905D				6,0	6,0	6,0		
14	2119050123	LÂM HÀ PHI	31/03/2001	CCQ1905D				6,0	6,0	6,0		
15	2119050124	NGUYỄN THANH PHI	17/08/2001	CCQ1905D				6,5	6,5	6,5		
16	2119050126	ĐÀM VĂN PHONG	26/11/1999	CCQ1905D				7,0	7,5	7,3		
17	2119050127	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	17/04/2001	CCQ1905D								
18	2119050129	TĂNG XUÂN QUỲNH	25/03/2001	CCQ1905D				7,0	8,0	7,6		
19	2119050131	TRẦN NGỌC SINH	15/09/2001	CCQ1905D				5,5	6,0	5,8		
20	2119050132	TRỊNH QUỐC THẮNG	28/02/2001	CCQ1905D				6,5	6,0	6,2		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

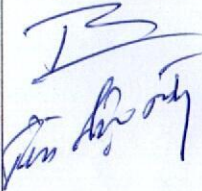
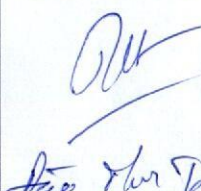
Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 04**

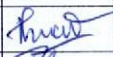
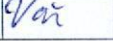
CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050133	TRƯƠNG THANH THÍNH	10/01/1998	CCQ1905D							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2119050135	NGUYỄN MINH THUẬN	20/11/2001	CCQ1905D				6,1	6,1	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2119050137	HUỲNH NHẬT TRƯỜNG	16/08/2000	CCQ1905D				6,0	6,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2118030192	PHẠM NHÂN VĂN	24/01/2000	CCQ1805C				6,0	6,5	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

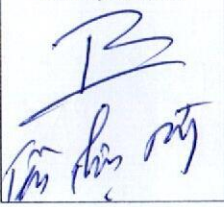
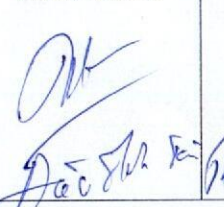
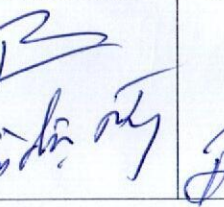
Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 02**

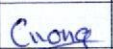
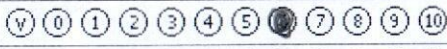
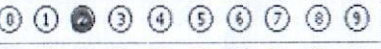
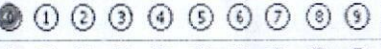
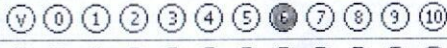
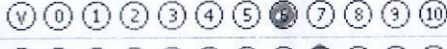
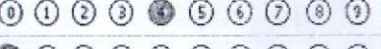
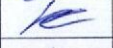
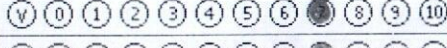
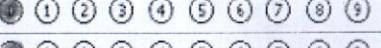
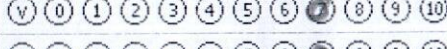
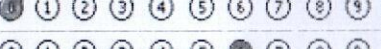
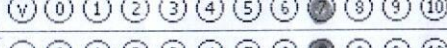
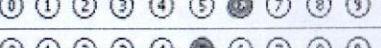
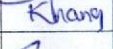
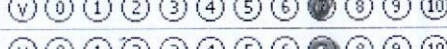
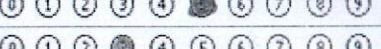
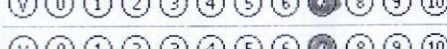
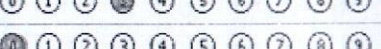
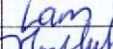
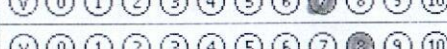
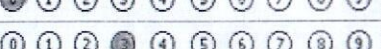
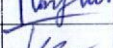
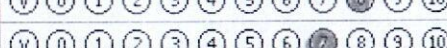
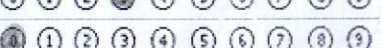
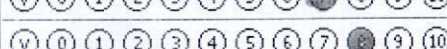
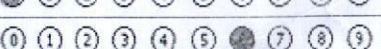
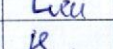
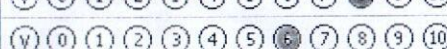
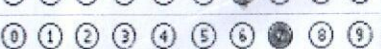
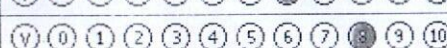
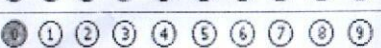
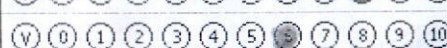
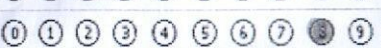
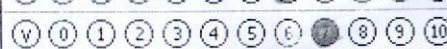
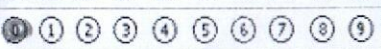
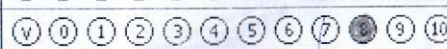
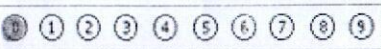
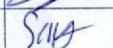
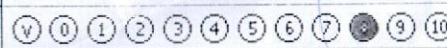
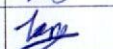
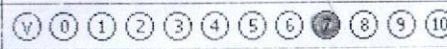
CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050037	ĐÀO TẤN CƯỜNG	08/05/2001	CCQ1905B				6,5	6,0	6,2		
2	2119050139	TRẦN MINH ĐỨC	01/04/2001	CCQ1905B				6,0	6,0	6,0		
3	2119050003	PHẠM NGỌC HẢI	07/05/2001	CCQ1905A				6,5	6,5	6,5		
4	2119050004	NGUYỄN TRỌNG HIỆP	23/11/2001	CCQ1905A				7,0	6,0	6,4		
5	2119050005	HUỖNH ĐỨC HUỖ	03/12/2001	CCQ1905A				7,0	7,0	7,0		
6	2119050010	VÕ VĂN HỮU	06/03/2001	CCQ1905A				7,0	7,0	7,0		
7	2119050011	ĐẶNG LÊ KHA	04/08/2001	CCQ1905A				7,0	8,0	7,6		
8	2119050043	NGUYỄN THANH KHANG	20/07/2000	CCQ1905B				7,5	7,5	7,5		
9	2119050045	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	04/12/2001	CCQ1905B				7,0	7,5	7,3		
10	2119050048	NGUYỄN HÙNG LÂM	21/04/2001	CCQ1905B				7,0	7,0	7,0		
11	2119050013	NGUYỄN HỒNG LĨNH	30/11/1999	CCQ1905A				8,0	8,5	8,3		
12	2119050140	TRẦN VĂN LONG	29/10/2000	CCQ1905B				7,0	7,0	7,0		
13	2119050014	LÊ QUANG LƯU	23/10/2001	CCQ1905A				8,0	9,0	8,6		
14	2119050051	NGÔ NGUYỄN HOÀI NAM	31/08/2001	CCQ1905B				7,0	6,5	6,7		
15	2119050018	VÕ VĂN NHÂN	03/08/2001	CCQ1905A				8,0	8,0	8,0		
16	2119050021	NGÔ HOÀNG PHÚC	25/10/2001	CCQ1905A				6,5	7,0	6,8		
17	2119050022	ĐẶNG MINH QUÂN	12/03/2001	CCQ1905A				7,0	7,0	7,0		
18	2119050053	NGUYỄN VĂN SANG	27/05/2000	CCQ1905B				8,0	8,0	8,0		
19	2119050023	TRẦN NGUYỄN TẤN SANG	01/01/1999	CCQ1905A				8,0	8,5	8,3		
20	2119050056	TRẦN VĂN TÂN	22/10/2001	CCQ1905B				7,5	8,0	7,8		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

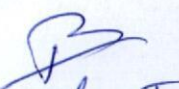
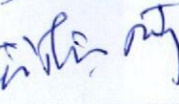
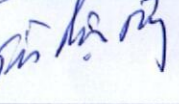
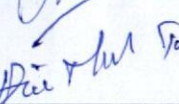
Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 02**

CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt: 24.....

Số bài thi: 24.....

Số tờ giấy thi: 24.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050027	LÊ VĂN THẮNG	14/12/2000	CCQ1905A				8,0	8,0	5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2119050066	CAO NHẬT TƯỜNG	02/03/2001	CCQ1905B				8,0	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2119050034	DƯƠNG VĂN ÚT	05/12/2001	CCQ1905A				8,0	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2119050068	NGUYỄN THANH VŨ	28/09/2001	CCQ1905B				7,0	7,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)